

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN KẾT VÀ CUNG ỨNG NÔNG SẢN TÍN VIỆT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN KẾT VÀ CUNG ỨNG NÔNG SẢN TÍN VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIN VIET AGRICULTURAL PRODUCT LINKAGE AND SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108548137

3. Ngày thành lập: 14/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

14 C, tổ 13, cụm 3, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác và thu gom than non	0520
2.	Khai thác quặng sắt	0710
3.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
4.	Khai thác muối	0893
5.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
6.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
7.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9.	Xây dựng nhà không để ở	4102
10.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
11.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không chứa cồn	4633
12.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
13.	Đào tạo cao đẳng	8533
14.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
15.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
16.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
17.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
18.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
19.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
20.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

21.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
22.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
23.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá) Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
24.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không gồm dược phẩm)	4649
25.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
27.	Đại lý du lịch	7911
28.	Điều hành tua du lịch	7912
29.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
30.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
31.	Bốc xếp hàng hóa (Không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
32.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
33.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
34.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
35.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
36.	Phá dỡ	4311
37.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
38.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
39.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
40.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, tem và tiền kim khí) Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh	4773
41.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
42.	Giáo dục mẫu giáo	8512
43.	Đào tạo trung cấp	8532
44.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
45.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
46.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Dạy máy tính.	8559
47.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
48.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
49.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
50.	Sản xuất đường	1072
51.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073

52.	Xây dựng công trình điện	4221
53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
54.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
55.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
56.	Dịch vụ đóng gói	8292
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm) - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
58.	Giáo dục nhà trẻ	8511
59.	Khai thác gỗ	0220
60.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
61.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
62.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
63.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
64.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
65.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
66.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
67.	Giáo dục tiểu học	8521
68.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
69.	Xây dựng công trình thủy	4291
70.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
71.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
72.	Trồng cây ăn quả	0121
73.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
74.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074

75.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Rang và lọc cà phê; sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; các chất thay thế cà phê; trộn chè và chất phụ gia; chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; sản xuất súp và nước xuyết; Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc, giấm, mật ong nhân tạo và kẹo, thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza. các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã), men bia, nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm, sữa tách bơ và bơ, các sản phẩm trứng, albumin trứng, muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; các sản phẩm cô đặc nhân tạo.	1079
76.	Xây dựng nhà để ở	4101
77.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
78.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm hóa chất, động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư) Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ	4789
79.	Đào tạo sơ cấp	8531
80.	Thu nhật lâm sản khác trừ gỗ	0232
81.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
82.	Khai thác thủy sản biển	0311
83.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
84.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
85.	Khai thác và thu gom than cứng	0510

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ DOÃN ĐIỀN	Số nhà 10, Tập thể in tài chính, ngõ 115 đường Trần Cung, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	2.000.000.000	40,000	012599993	
			Tổng số	20.000	2.000.000.000	40,000		
2	VŨ NGỌC TOÀN	14C , tổ 13, cụm 3, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	2.000.000.000	40,000	B3509036	
			Tổng số	20.000	2.000.000.000	40,000		
3	TRẦN MINH TUẤN	P89 – C10 tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	1.000.000.000	20,000	011706168	
			Tổng số	10.000	1.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN MINH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/01/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011706168

Ngày cấp: 12/09/2012

Nơi cấp: Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P89 – C10 tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P89 – C10 tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội